TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Ông Nguyễn Quang Vinh

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 190/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1993 - *Vắng mặt*

Nơi ĐKHKTT: Xóm Am, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn Ngọc, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: Xóm Am, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

(Chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L được tự do tìm hiểu và tự nguyên đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hương vào ngày 27/5/2010. Sau

khi kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương , chị về nhà anh L làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình anh L tại Thôn Am, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Kết hôn được một năm thì vợ chồng chị ra ở riêng . Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L chơi cờ bạc, chị có hỏi anh L nợ nần như thế nào để vợ chồng cùng biết mà lo lắng nhưng anh L không cho biết vì thế vợ chồng xảy ra cãi nhau , lương hàng tháng chị đều đưa cho anh L để anh L trả tiền lãi , vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hoà giải cùng nhau . Từ tháng 6 năm 2021, chị về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Ngoẹn, xã Tiên Lục , huyện Lạng Giang sinh sống từ đó cho đến nay . Hiện vợ chồng đã ly thân một thời gian dài , bản thân chị xác định hôn nhân không thể hàn gắn được và không còn tình cảm với anh L. Do vậy, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giữa chị và anh Nguyễn Văn L có 03 con chung là Nguyễn Đức Duy , sinh ngày 14/3/2011; Nguyễn Đức Mạnh , sinh ngày 24/3/2013 và Nguyễn Đức Kiên, sinh ngày 14/8/2017. Hiện nay cả 03 con chung đang ở cùng với anh L và ông bà nội . Khi ly hôn , chị đề nghị Toà án giao cho chị được trực tiếp trông nom , chăm sóc , nuôi dưỡng , giáo dục con chung Nguyễn Đức Kiên; giao cho anh L là người trực tiếp trông nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là Nguyễn Đức Duy và Nguyễn Đức Mạnh. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến làm việc, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến , không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án . Anh L tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

* Qua xác minh với chính quyền địa phương thôn Am, xã Xuân Hương , huyện Lạng Giang thì thấy: Vợ chồng anh L, chị L có đăng ký kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồngxảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được, địa phương chỉ biết chị L và anh L ly thân, chị L không chung sống cùng anh L tại địa phương từ khoảng năm 2021. Giữa anh L và chị L có 03 con chung và đều đang ở cùng anh L và ông bà nội. Địa phương đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật

* Qua xác minh với ông Nguyễn Văn Lộc, sinh năm 1968 (bố đẻ của anh L) thì thấy: Anh L và chị L có đăng ký kết hôn hợp pháp, sau khi kết hôn được một

thời gian ngắn thì ông bà cho vợ chồng anh L ra ở riêng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị ông không nắm được, chỉ biết là từ cuối năm 2021 chị L bỏ đi làm rất ít khi về thăm con, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, cả 03 con chung của anh L chị L đều đang ở cùng anh L và ông bà là người hỗ trợ anh L chăm sóc các con khi anh L đi làm, hiện nay anh L đi bán hàng, làm nhiều công việc nhưng thu nhập cụ thể ông không nắm được. Việc chị L xin ly hôn anh L thì đây là việc riêng của anh chị, gia đình đề nghị Toà án làm việc với anh L và chị L.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, không mở phiên họp hòa giải do chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị L có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Nguyễn Văn L được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự . Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, mâu thuẫn của chị L và anh L đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng ly thân khoảng thời gian dài đến nay vợ chồng không thể chung sống do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh L. Về con chung, vợ chồng có 03 con chung, hiện nay cả 03 con chung đều đang ở cùng anh L, để đảm bảo quyền L của con chung và nguyện vọng của cha mẹ , đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Đức Kiên , sinh ngày 14/8/2017 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao 02 con chung Nguyễn Đức Duy, sinh ngày 14/3/2011 và Nguyễn Đức Mạnh, sinh ngày 24/3/2013 cho anh L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung chị L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quyền kháng cáo của đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét (HĐXX) thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Chị Trần Thị L yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L và giải quyết việc nuôi con chung nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con là những tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh . Bị đơn anh Nguyễn Văn L cư trú tại thôn Am, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang nên Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình , khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[*2]. Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên toà có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn được UBND xã Xuân Hương , huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/5/2010 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy : Qua xác minh với gia đình anh L thì thấy gia đình không biết nguyên nhân mâu thuẫn nhưng xác định vợ chồng chị L, anh L ly thân từ năm 2021, không còn quan tâm tới nhau cuộc sống của nhau . Anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc và không gửi đến Toà án văn bản tài liệu gì nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L điều này thể hiện anh không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Hôn nhân của chị L và anh L có mâu thuẫn, vợ chồng ly thân dài không có khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn anh L.

[4]. Xét về con chung : Chị L và anh L có 03 con chung là Nguyễn Đức Duy, sinh ngày 14/3/2011; Nguyễn Đức Mạnh, sinh ngày 24/3/2013 và Nguyễn Đức Kiên, sinh ngày 14/8/2017. Hiện nay cả 03 con chung đang ở cùng anh L và ông bà nội. Khi ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao cho chị được nuôi cháu Kiên, giao cho anh L nuôi 02 con chung là cháu Duy và cháu Mạnh . Quá trình làm

việc, cháu Duy có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ , cháu Mạnh không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như để ổn định, không gây xáo trộn cuộc sống của con chung và để giả m bớt gánh nặng việc chăm sóc con cho một bên , xét thấy cháu Nguyễn Đức Kiên còn nhỏ , cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên giao cho chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Đức Kiên , sinh ngày 14/8/2017; giao 02 cháu Nguyễn Đức Duy và Nguyễn Đức Mạnh cho anh L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị L, anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căc cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân : Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức Kiên, sinh ngày 14/8/2017 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao 02

con chung Nguyễn Đức Duy , sinh ngày 14/3/2011 và Nguyễn Đức Mạnh , sinh ngày 24/3/2013 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị L, anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L, anh L thực hiện quyền này.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012908ngày 02/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Xuân Hương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm